

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/DS- ST
Ngày 22- 4- 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Hồng Văn

Bà Trần Thị N

-Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hữu Thơ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Ninh- Kiểm sát viên.

Ngày 22/4/2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2024/TLST- DS ngày 11/11/2024 về việc Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST- DS ngày 10/ 3/ 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 28 ngày 31/ 3/ 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 16 Hẻm 66/2, ngõ T, phường Q, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quang D, sinh năm 1977. Vắng mặt.

Địa chỉ: TDP N, thị trấn Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị N, sinh năm 1978. Vắng mặt.

Địa chỉ: TDP N, thị trấn Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Quan hệ giữa bà và anh Nguyễn Quang D có mối quan hệ quen biết nhau, anh D làm nghề kinh doanh sơn. Ngày 31/8/2012, anh D có hỏi bà cho vay tiền để kinh doanh, bà có cho anh D vay 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), do không biết về việc chuyển tiền qua

tài khoản nên bà có nhờ con trai bà là Phạm H, sinh năm 1993 nhờ con trai bà chuyển khoản cho anh D vay số tiền 300.000.000 đồng (người chuyển tiền là Phạm H, người nhận tiền là Nguyễn Quang D). Số tiền bà cho anh D vay vợ anh D là Lê Thị N, sinh năm 1978 có biết việc bà cho anh D chồng chị N vay. Khi vay bà không yêu cầu anh D trả lãi suất vì là chỗ quen biết. Sau khi vay anh D có hứa với bà sau 01- 02 tháng thì trả lại số tiền vay. Tuy nhiên, sau khi hết thời hạn thỏa thuận bà đã đòi nhiều lần nhưng anh D không trả. Ngày 17/6/2014, anh D có viết biên nhận nợ bà 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) và tiếp tục hứa với bà sẽ trả số tiền trên, nhưng nhiều năm anh D không trả. Đến tháng 10/2023 bà đi lại quá nhiều và chị N (vợ anh D) trả cho bà được 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và bà đã viết biên nhận tiền đối với chị N. Cho đến nay bà đã đòi anh D và chị N rất nhiều lần nhưng anh D và chị N không trả bà số tiền còn lại là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng). Nay bà yêu cầu Tòa án buộc anh D và chị N trả số tiền còn nợ là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng). Bà tự nguyện không yêu cầu lãi suất. Số tiền này là của cá nhân bà, chồng bà là ông Phạm Văn Phóng và con trai bà là Phạm H không liên quan. Bà yêu cầu anh D và chị N trả riêng cho bà số tiền trên.

Bị đơn Anh Nguyễn Quang D: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh D không nộp văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị N trình bày: Chị N là anh vợ anh Nguyễn Quang D, hai vợ kết hôn năm 1997. Đối với bà Nguyễn Thị N thì chị không quen biết xã hội hay họ hàng gì. Khoảng tháng 8/2011 chị đang lao động xuất khẩu tại Đài Loan, đến khoảng cuối năm 2014 đầu năm 2015 thì chị mới về Việt Nam do đó anh D vay tiền bà N chị hoàn toàn chị không biết anh D vay bao nhiêu tiền và vay để làm gì. Đến tháng 11/2023 bà Nguyễn Thị N vào nhà chị đòi tiền anh D, thời điểm đó anh D không có nhà và có gửi lại cho chị 50 triệu bảo trả hộ bà N khi đó chị mới biết anh D có vay tiền của bà N, chị đã đưa cho bà N đủ số tiền 50.000.000 đồng trả hộ anh D và hai bên có viết giấy biên nhận ngày 05/11/2023. Nay bà N khởi kiện yêu cầu chị và anh D trả số tiền 250.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh chị không đồng ý vì chị không vay, không được nhận bất kỳ số tiền nào. Việc vay mượn do anh D ký thì anh D có trách nhiệm trả. Hiện anh D không có mặt tại địa phương và đang đi làm ăn xa nên gia đình cũng không biết anh D đi đâu là gì. Trước đó anh D có bảo trả dần cho bà N vì kinh tế khó khăn.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Quang D vắng mặt lần 2 không có lý do.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa phát biểu quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử,

nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc anh Nguyễn Quang D phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*).

Án phí: Anh Nguyễn Quang D phải chịu 12.500.000 đồng tiền án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn là anh Nguyễn Quang D có địa chỉ tại: TDP N, thị trấn Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về căn cứ áp dụng pháp luật: Bà Nguyễn Thị N căn cứ biên nhận vay tiền ngày 17/6/2014 để khởi kiện anh Nguyễn Quang D, vì vậy cần căn cứ vào quy định của Bộ luật dân sự 2005 và Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 17/6/2014 bà Nguyễn Thị N có cho anh Nguyễn Quang D vay số tiền 300.000.000 đồng, khi vay anh D có viết biên nhận và ký nợ, không thể hiện lãi suất, thời hạn trả khoảng 03- 04 tháng (trả dần). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần, ra thông báo mở phiên họp nhưng anh D không đến làm việc, bà N và chị N có đơn xin vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được. Xét thấy, giao dịch vay tiền ngày 17/6/2014 giữa anh Nguyễn Quang D và bà Nguyễn Thị N là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên; giao dịch, thỏa thuận mà các bên đã thực hiện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp

với quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005 về hợp đồng vay tài sản, anh Nguyễn Quang D đã nhận được tiền vay thì phải có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005. Vì vậy, buộc anh Nguyễn Quang D phải có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị N số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng là có căn cứ.

Về lãi suất: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu lãi suất nên HĐXX không xem xét.

[5] Về nghĩa vụ trả nợ: Bà Nguyễn Thị N yêu cầu anh Nguyễn Quang D và chị Nguyễn Thị N cùng có trách nhiệm trả tiền bà N. HĐXX xét thấy khi anh D vay tiền bà N chỉ có một mình anh D ký nhận nợ, chị N vợ anh D không ký, quá trình giải quyết vụ án chị N cho rằng khi anh D vay tiền bà N chị N không được ký và cũng không được nhận tiền, thời điểm anh D vay tiền chị N đang lao động xuất khẩu tại Đài Loan từ tháng 8/2011 đến cuối năm 2014 chị N mới về nước, mặt khác chị N không chấp nhận trả nợ cùng anh D, hơn nữa trong giấy nhận tiền đề ngày 05/11/2023 thể hiện “...chị N có trả hộ anh D cho chị Nguyễn Thị N số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng)...” nên không có căn cứ buộc chị N phải trả nợ cùng anh D là phù hợp pháp luật.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị N được chấp nhận, nên anh Nguyễn Quang D phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật là 250.000.000 đồng x 5 % = 12.500.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị N là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Đề nghị của đại diện VKS ở tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

(1) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc anh Nguyễn Quang D phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

(2) Về án phí: Anh Nguyễn Quang D phải chịu 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

(3) Về quyền kháng cáo bản án: Báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- CCTHADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Hợp